TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/DS-ST
Ngày: 21/3/2024
V/v "Tranh chấp yêu cầu chấm dứt hành vi trái pháp luật"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bồ Quốc Khánh;
2. Ông Đoàn Văn Lước.

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Anh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 96/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2022 về việc: "Tranh chấp yêu cầu chấm dứt hành vi trái pháp luật" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2023/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2023/QD9HTP-DS ngày 19 tháng 12 năm 2023; Thông báo mở lại phiên tòa số 96/2024/TB-TA ngày 08 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1952; địa chỉ: Số H, tổ B, ấp B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- *Bị đơn:*

1. Ông Trương Hùng C, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ B, ấp B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương; Có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960; địa chỉ: Tổ B, ấp B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương; Có đơn xin vắng mặt ngày 15/3/2024.

3. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1977, địa chỉ: Tổ B, ấp B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương; Có đơn xin vắng mặt ngày 15/3/2024.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Việt T1, sinh năm 1978; địa chỉ: Số H, tổ B, ấp B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương; Có mặt.

2. Bà Trần Thị Hồng Y, sinh năm 1980; địa chỉ: Số H, tổ B, ấp B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương; Có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Ngọc X, sinh năm 1993; địa chỉ: Số H, tổ B, ấp B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương; Có đơn xin vắng mặt ngày 15/3/2024.

4. Bà Nguyễn Thị Ngọc T2, sinh năm 1986; địa chỉ: Số H, đường L, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Vắng mặt.

5. Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương (Có văn bản đề nghị vắng mặt).

6. UBND xã B, huyện B (Có văn bản đề nghị vắng mặt ngày 19/3/2024).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 5 năm 2022, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ *trình bày:*

Ông Nguyễn Văn Đ và bà Dương Thị H chung sống với nhau vào năm 1984, không đăng ký kết hôn có 02 người con chung là Nguyễn Thị Ngọc T2 và Nguyễn Thị Ngọc X. Bà H có 02 người con riêng với ông Trần Việt H1 là Trần Việt T1 và Trần Thị Hồng Y. Ông H1 chết vào năm 1983 (không đăng ký khai tử), bà H chết vào ngày 06/8/2014 theo giấy chứng tử số 18/2014, quyển số 01/2013. Cha mẹ của bà H là ông Dương Văn N chết vào năm 1976 (không đăng ký khai tử) và bà Nguyễn Thị B chết đã lâu (không rõ năm chết và không đăng ký khai tử).

Vợ chồng ông Đ có tài sản chung là quyền sử dụng đất diện tích khoảng 396m^2 thuộc thửa đất số 275, tờ bản đồ số 66 tại xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa BA 131916, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH00009 do UBND huyện T (nay là Bắc Tân U) cấp ngày 02/3/2011 cấp cho bà Dương Thị H. Vị trí thửa đất số 275 có tứ cận như sau: hướng Bắc giáp thửa đất số 550 và đường đất; hướng Nam giáp thửa đất số 551; hướng Tây giáp đường đất; hướng Đông giáp đất của bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị D và ông Trương Hùng C. Năm 2020, ông Đ có nhu cầu đo đạc, điều chỉnh lại diện tích thửa 275 để thực hiện phân chia di sản thừa kế do bà H để lại. Quá trình đo đạc lại thửa đất số 275, thì bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị D và ông Trương Hùng C không đồng ý với ranh đất thực tế tại bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất, có hành vi ngăn cản, không cho ông Đ tiến hành đo đạc, cắm mốc để làm thủ tục khai di sản thừa kế thửa đất số 275 do bà H để lại. Lý do bà T, bà D và ông C nêu ra là trên thửa đất số 275 của ông Đ có đường đi ngang nhà ông Đ mà khi đo đạc không trừ phần đường có chiều ngang 04m cho bà T, bà D và ông C đi ra đường B.

Trên thửa đất số 275 tiếp giáp với đất của bà T, bà D và ông C đều đã có hàng rào bằng tường gạch cao khoảng 02m do bà bà T, bà D xây dựng. Trên đất của bà T và bà D đều tiếp giáp đường ĐT 747; đất của ông C cũng giáp với đường đi công cộng khác ngang qua nhà bà Trương Thị L để đi ra đường ĐT 747 nhưng các bị đơn không chịu đi mà cố tình đi qua đất ông Đ, con đường đi qua thửa đất 275 của ông Đ không phải là đường công cộng nên ông Đ không cho các bị đơn đi nên các bị đơn có hành vi ngăn cản không cho đo đạc, cắm mốc. Thực tế, thửa đất của ông Trương Hùng C có tiếp giáp với đường B 27 nhưng ông Đ không đi mà cố tình đi ngang qua trước nhà ông Đ.

Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét buộc bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị D và ông Trương Hùng C chấm dứt hành vi trái pháp luật về việc cản trở không cho ông Đ đo đạc, cắm mốc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật đối với thửa đất số thửa đất số 275, tờ bản đồ số 66; tọa lạc xã B huyện B, tỉnh Bình Dương.

Yêu cầu Tòa án công nhận hộ gia đình ông Đ là người được quyền sử dụng đối với toàn bộ diện tích đất khoảng 396m^2 thuộc thửa đất số 275, tờ bản đồ số 66; tọa lạc xã B huyện B, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa BA 131916, số vào sổ cấp GCN: CH00009, do UBND huyện T (nay là Bắc Tân U) cấp ngày 02/3/2011 cho bà Dương Thị H.

- *Bị đơn ông* Trương Hùng C *trình bày:*

Trước năm 1975, ông bà ngoại của ông là cụ Lê Văn Đ1 và cụ Nguyễn Thị B1 (hiện nay đã mất) đã sinh sống và xây dựng nhà trên diện tích đất (không nhớ rõ số thửa đất) tại ấp B, xã B và sử dụng con đường đi ngang qua thửa đất số 275 của bà H, ông Đ để phục vụ đi lại và sản xuất nông nghiệp. Nguồn gốc con đường đi có từ thời chiến tranh chống Mỹ. Sau khi ông bà ngoại ông C mất, cha mẹ của ông là ông Trương Văn N1 và bà Lê Thị A (hiện nay đã chết) ở trên đất và tiếp tục sử dụng con đường đi ngang qua thửa đất số 275 (của ông Đ) để phục vụ đi lại và sản xuất nông nghiệp từ sau năm 1975. Trước năm 2000, UBND xã B có tiến hành đo đạc và thể hiện có con đường đi ngang qua thửa đất 275 của ông Đ có chiều rộng khoảng 4m.

Trên thực tế, con đường đi có rất nhiều hộ dân sử dụng để đi qua như bà Nguyễn Thị T và gia đình bà Nguyễn Thị D.

Trong quá trình sử dụng con đường đi, ông C có tự ý đổ đất và đổ đá mi lên con đường đi để lại dễ hơn; đây là con đường đi thuận tiện nhất để ông C có thể đi ra đường giao thông công cộng. Vì vậy, ông C không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì các bị đơn đi qua đất ông Đ là lối đi công cộng có trên bản đồ địa chính có chiều ngang là 04m. Việc ông Đ cho rằng ông C có lối đi ra phía sau giáp đường B 27 là đúng nhưng phải đi ra sau nhà, gây bất tiện cho ông C.

- *Bị đơn bà* Nguyễn Thị T*, bà* Nguyễn Thị D *(Có đơn xin vắng mặt) trình bày:*

Bà Nguyễn Thị T có thửa đất số 273 tờ bản đồ 66 và bà Nguyễn Thị D sinh sống giáp ranh đất nhà ông Đ (thửa đất 275) tại ấp B, xã B từ trước giải phóng đến nay; khi đó, đã có con đường đi công cộng ngang đất ông Đ, bà D và ông C cũng có sử dụng con đường ngang nhà ông Đ để đi lại và phục vụ sản xuất nông nghiệp đến nay. Từ phần đất của nhà bà T, bà D đi ra đường Đ là một con đường công cộng đi ra phía sau giáp đường B và 01 con đường đi công cộng đi ngang nhà ông Đ đang khởi kiện, tuy nhiên con đường đi ông Đ hiện đang khởi kiện chúng tôi là đường công cộng có trên bản đồ địa chính nên việc ông Đ không cho chúng tôi sử dụng con đường đi công cộng là không đúng, việc chúng tôi ngăn cản ông Đ rào lại là có lý đo. Vì vậy, chúng tôi không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì các bị đơn đi qua đất ông Đ là lối đi công cộng có trên bản đồ địa chính có chiều ngang 04m.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông* Trần Việt T1, Trần Thị Hồng Y, Nguyễn Thị Ngọc X, Nguyễn Thị Ngọc T2*, trình bày:* Chúng tôi thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Và yêu cầu Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan* Ủy ban nhân dân huyện B *trình bày:*

Trình tự thủ tục cấp thửa đất số 275, tờ bản đồ số 66 tại xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sỡ hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH00009 do UBND huyện T (nay là Bắc Tân U) cấp ngày 02/3/2011 cấp cho bà Dương Thị H được thực hiện theo Điều 23 Thông tư số 17/2009/TT-BTNMT ngày 21/10/2009 của Bộ T3 quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sỡ hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận không có đo đạc thực tế, căn cứ theo trích lục bản đồ do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thực hiện ngày 22/12/2009, không có đo đạc thực tế, không có hồ sơ lấy ý kiến của các chủ thửa đất liền kề. Từ khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sỡ hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số vào sổ CH00009 ngày 02/3/2011 đến nay chưa thực hiện đăng ký biến động về quyền sử dụng đất.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Văn bản số 936 ngày 19/12/2023)* Ủy ban nhân dân xã B, *trình bày:*

Từ năm 1993 đến nay, giữa các thửa đất số 175 với các thửa đất số 174, 273, 616 tờ bản đồ 66 tại xã B trên thực địa thì có con đường đi nào hay không thì UBND xã không nắm rõ, tuy nhiên, trên bản đồ địa chính từ năm 2000 đến nay không thể hiện tuyến đường nào.

Ý kiến của Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định pháp luật của người tiến hành tố tụng. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thủ tục xét xử theo quy định pháp luật, người tham gia tố tụng là nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Vụ án được xét xử trong thời hạn luật định. Viện Kiểm sát không kiến nghị, khắc phục gì thêm.

Về quan điểm giải quyết của Viện Kiểm sát đối với vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc các bị đơn phải chấm dứt hành vi trái pháp luật như cảm trở không cho đo đạc, cắm mốc để hộ ông Nguyễn Văn Đ thực hiện quyền của người sử dụng đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ đối với các bị đơn ông Trường Hùng C1, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị D thì đây là yêu cầu chấm dứt hành vi trái pháp luật cản trở, không cho nguyên đơn đo đạc, cắm mốc thực hiện quyền của người sử dụng đất và quyền khác đối với tài sản, do các bị đơn có nơi cư trú tại xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương nên Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2, khoản 14 Điều 26; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Việc bị đơn bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị D và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan UBND huyện B, UBND xã B vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử nên căn cứ các Điều

227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vắng mặt những người nêu trên.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: HĐXX nhận thấy, theo Mảnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý số 50-2024 ngày 31/01/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/01/2024 của Tòa án thì thấy rằng thửa đất số 275, tờ bản đồ số 66 tại xã B huyện B, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa BA 131916, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH00009 do UBND huyện T (nay là Bắc Tân U) cấp ngày 02/3/2011 cấp cho bà Dương Thị H hiện do ông Nguyễn Văn Đ đang sử dụng; ông Trương Hùng C, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị D khai rằng từ nhà các bị đơn muốn đi ra đường DT 747 phải đi ngang qua đất ông Đ, bà H qua thửa đất số 275, tờ bản đồ số 66, các bị đơn cho rằng con đường này là đường nông thôn, có từ thời chiến tranh chống Mỹ, có trng bản đồ địa chính, nếu nguyên đơn không cho đi thì các bị đơn sẽ không có lối đi nào khác để ra đường DT 747. Các bị đơn xác nhận đã đi trên lối đi này qua thửa đất số 275, tờ bản đồ số 66 của ông Đ và có hành vi cản trở không cho ông Đ thực hiện việc đo đạc, cắm mốc thửa đất số 275, tờ bản đồ số 66 dẫn đến việc ông Đ khởi kiện yêu cầu các bị đơn phải chấm dứt hành vi này. Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các đương sự nhận thấy: Lối đi mà các bị đơn ông C, bà T, bà D sử dụng để làm lối đi (khu A1, A2), cũng như phần đất của ông Đ đang sử dụng để đi ra đường B số 27 đều phải đi qua các thửa đất khác, trên sơ đồ địa chính không thể hiện lối đi nào khác. Căn cứ Văn bản số 574/UBND-NC ngày 20/02/2024 của Ủy ban nhân dân huyện B và Văn bản số 936 ngày 19/12/2023 của Ủy ban nhân dân xã B xác định việc cấp thửa đất số 275, tờ bản đồ số 66 tại xã B theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa BA 131916, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH00009 do UBND huyện T (nay là Bắc Tân U) cấp ngày 02/3/2011 cấp cho bà Dương Thị H được thực hiện theo Điều 23 Thông tư số 17/2009/TT-BTNMT ngày 21/10/2009 của Bộ T3, khi cấp không có đo đạc thực tế, căn cứ theo bản đồ địa chính lập ngày 22/12/2009. Căn cứ theo bản đồ này thì không có lối đi nào tồn tại như các bị đơn trình bày, Mảnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý số 50-2024 ngày 31/01/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/01/2024 thì phần đất mà các bị đơn sử dụng làm lối đi (khu A, khu A) đều nằm trong thửa đất 275 của bà Dương Thị H và một phần thửa đất số 551 chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đây không phải là lối đi hay đường đi có trong bản đồ địa chính như các bị đơn trình bày, quá trình sử dụng một phần thửa đất số 275 của hộ ông Nguyễn Văn Đ để làm đường đi, các bị đơn có hành vi như đổ đá, cản trở việc ông Đ đo đạc, cắm mốc thửa đất 275. Do đó, HĐXX có cơ sở xác định các bị đơn đi qua phần đất thuộc một phần thửa đất số 275 cũng như có hành vi cản trở việc sử dụng đất của nguyên đơn đối với tài sản do bà Dương Thị H để lại cho nguyên đơn là xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trong việc hưởng dụng tài sản; Điều 263 của Bộ luật dân sự có quy định: *"...3. Không được cản trở, thực hiện hành vi khác gây khó khăn hoặc xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của người hưởng dụng..."*, Điều 169 có quy định ***"...****Khi thực hiện quyền sở hữu, quyền khác đối với tài*

sản, chủ thể có quyền yêu cầu người có hành vi cản trở trái pháp luật phải chấm dứt hành vi đó hoặc có quyền yêu cầu Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác buộc người đó chấm dứt hành vi vi phạm...", do vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc các bị đơn phải chấm dứt hành vi ngăn cản nguyên đơn cắm mốc, đo đạc và đi qua thửa đất thửa đất số 275 là có căn cứ chấp nhận.

[4] Các bị đơn ông Trương Hùng C, bà Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị T xác định có lối đi chung nhưng không có chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận ý kiến của bị đơn. Trong vụ án, các bị đơn không có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập. Trường hợp các bị đơn có khởi kiện vụ án khác sẽ giải quyết sau khi có đơn yêu cầu.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ.

[6] Chi phí tố tụng: Do phải thực hiện việc đo đạc thẩm định thửa đất số 275 tờ bản đồ 66 của nguyên đơn để làm rõ yêu cầu khởi kiện nên nguyên đơn phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ là 4.990.000 đồng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu án phí theo Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 2, khoản 14 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 95, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 163, Điều 164, Điều 169, Điều 263 Bộ luật Dân sự;
- Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ đối với các bị đơn Trương Hùng C, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị D.

Các bị đơn ông Trương Hùng C, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị D phải chấm dứt hành vi trái pháp luật không được cản trở việc ông Nguyễn Văn Đ thực hiện quyền của người sử dụng đất như đo đạc, cắm mốc trong phạm vi thửa đất số 275, tờ bản đồ số 66 tại xã B theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa BA 131916, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH00009 do UBND huyện T (nay là Bắc Tân U) cấp ngày 02/3/2011 cấp cho bà Dương Thị H (Có sơ đồ kèm theo).

2. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc là 4.990.000 đồng (bốn triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng) và đã thực hiện xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trương Hùng C, bà Nguyễn Thị D phải chịu mỗi người 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

4. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- Chi cục THADS huyện Bắc Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Hùng